

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*dự thảo Nghị quyết*), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Tại điểm a khoản 5 Điều 7 của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; quy định: “...UBND các tỉnh căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình HĐND cấp tỉnh quyết định...”⁽¹⁾.

2. Căn cứ thực tiễn

Tỉnh Bắc Giang có 73 xã vùng đồng bào DTTS&MN được xác định theo 3 khu vực I, II, III, giai đoạn 2021-2025⁽²⁾. Đây là vùng khó khăn, cơ sở hạ tầng KTXH còn yếu kém; tỷ lệ hộ nghèo chiếm 9,98%, cao gấp 1,9 lần so với bình quân chung của tỉnh (5,27%), trong đó các xã ĐBKK là 21,9%, cao gấp 4,1 lần

¹ Thuộc khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 22/6/2015: Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh ban hành để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên.

² Theo Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025.

so với mức bình quân chung của tỉnh. Các huyện⁽³⁾ có đối tượng thụ hưởng Chương trình là các huyện miền núi, vùng cao, có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, KTXH nhiều khó khăn, số thu ngân sách hàng năm thấp, không có khả năng đối ứng từ ngân sách huyện, xã.

Đề tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình tại những huyện, xã, thôn khó khăn hơn, đảm bảo công bằng, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm thì rất cần có các nguyên tắc và tiêu chí phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án, tiểu dự án trong Chương trình.

Từ những căn cứ pháp lý và thực tế nêu trên, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết được ban hành là căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện Chương trình.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Nội dung Nghị quyết không trái các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện, thực tiễn của địa phương. Xây dựng ban hành Nghị quyết để thực hiện đúng các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, đối tượng của Chương trình; đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả đầu tư và ưu tiên vốn cho những huyện, xã, thôn khó khăn hơn để tập trung nguồn lực cho phát triển KTXH, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 50/HĐND-CTHĐND ngày 24/01/2022.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 48/BC-STP ngày 08/3/2022; UBND tỉnh thông qua tại hội nghị thường kỳ tháng 3/2022;

Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy tại phiên giao ban ngày 21/3/2022; Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tại hội nghị thường kỳ tháng 3/2022.

Ban Kinh tế - Ngân sách thẩm tra dự thảo Nghị quyết theo quy định.

UBND tỉnh đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh.

³ Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết quy định trực tiếp, gồm 6 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2. Đối tượng áp dụng;

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn;

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn; mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh;

Điều 5. Trách nhiệm của UBND tỉnh;

Điều 6. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Nguyên tắc phân bổ vốn (quy định tại Điều 3)

a) Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Phân bổ vốn phải bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình.

c) Ưu tiên bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, địa bàn khó khăn, các huyện có số thu ngân sách thấp hơn; các dự án đầu tư xây dựng công trình có tác động, tạo động lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025; giải quyết các vấn đề cấp bách, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số còn khó khăn, đạt được các mục tiêu của Chương trình đề ra.

d) Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các cấp chính quyền huyện, xã.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí.

e) Nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh được tập trung để phân bổ cho một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

2.2. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn; mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh (quy định tại Điều 4)

a) Về Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn

(1) Nguồn vốn ngân sách trung ương:

Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương cho các sở, ngành tỉnh và huyện, xã thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

Tổng số vốn phân bổ cho huyện, xã thứ k (H_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của huyện, xã:

$$H_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

i là dự án, tiểu dự án thứ i.

k là huyện, xã thứ k.

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của huyện, xã (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần i:

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

$V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, xã thứ k.

$X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án i của huyện, xã thứ k.

Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án i.

$$Q_i = \frac{GL_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

GL_i : Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện dự án, tiểu dự án thứ i.

*) Cơ sở đề xuất tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối với từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình:

- Đối với các dự án, tiểu dự án UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ để cụ thể hóa tiêu chí, định mức của trung ương cho phù hợp thực tế địa phương⁽⁴⁾; cơ sở đề xuất: Dựa trên chức năng, nhiệm vụ, khả năng và hiệu quả thực hiện, khối lượng và nhu cầu vốn để thực hiện các nội dung, hoạt động các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình.

- Đối với các dự án, tiểu dự án và nội dung còn lại áp dụng tiêu chí, định

⁴ Gồm: Tiểu dự án 2, dự án 3; nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư để thực hiện nguyên tắc không bình quân chia đều, ưu tiên địa bàn khó khăn hơn; nội dung sử dụng nguồn vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1, dự án 5; dự án 6; dự án 8; Tiểu dự án 2, dự án 9; Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3, dự án 10.

mức phân bổ vốn của trung ương⁽⁵⁾; cơ sở đề xuất: Do trung ương đã quy định mức hỗ trợ cho từng nội dung, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể; việc phân bổ vốn của tỉnh căn cứ số đối tượng, mức vốn phân bổ từ ngân sách trung ương.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

(2) Nguồn vốn ngân sách tỉnh:

*) Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng để thực hiện Chương trình cho các sở, ngành tỉnh và huyện được quy định chi tiết tại Phụ lục II, kèm theo dự thảo Nghị quyết.

*) *Cơ sở đề xuất tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh (vốn đối ứng để thực hiện Chương trình):*

Thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 3, dự thảo Nghị quyết để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng dự kiến giai đoạn 2022-2025 khoảng 240 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển 230 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 10 tỷ đồng)⁽⁶⁾ được tập trung bố trí cho một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình⁽⁷⁾.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

b) Về mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh

Ngân sách tỉnh đối ứng 100% số vốn theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để thực hiện Chương trình.

Cơ sở đề xuất: Tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định: Địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 50%, hằng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Năm 2021, tỉnh Bắc Giang nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương 6.550/13.744 tỷ đồng, bằng 47,65% (dưới 50%). Do vậy, tỉnh phải đảm bảo cân đối, bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng vốn nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ cho Chương trình (dự kiến trung ương phân bổ cho tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 là 1.600.206 triệu đồng), mức đối ứng của tỉnh tối thiểu giai đoạn 2021-2025 khoảng 240 tỷ đồng. Đặc thù của các huyện có đối tượng thụ hưởng Chương trình (Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế) là các huyện miền núi, vùng cao, có điều kiện tự

⁵ Gồm: Dự án 1; dự án 2; tiểu dự án 1, dự án 3; nội dung cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã; đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp trạm y tế; đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp chợ, mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã thuộc tiểu dự án 1, dự án 4; đầu tư xây dựng các trường PTDT nội trú, bán trú, có học sinh bán trú (sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển) tiểu dự án 1, tiểu dự án 2, tiểu dự án 3, dự án 5; các nội dung sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc dự án 6; dự án 7.

⁶ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí 200 tỷ đồng; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã bố trí 30 tỷ đồng. Số vốn còn thiếu (10 tỷ đồng), UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung sau.

⁷ Gồm: Nội dung số 1, nội dung số 2, Dự án 1; Dự án 2; nội dung số 2, tiểu dự án 2, Dự án 3; nội dung cải tạo nâng cấp đường đến trung tâm xã, đường liên xã thuộc tiểu dự án 1, Dự án 4; nội dung đầu tư cơ sở vật chất các trường nội trú, bán trú thuộc tiểu dự án 1, dự án 5; nội dung số 1, tiểu dự án 1 và tiểu dự án 3 dự án 10.

nhiên không thuận lợi, trình độ dân trí không đồng đều, tỷ lệ hộ nghèo cao, số thu ngân sách hàng năm thấp, khả năng đối ứng từ ngân sách huyện, xã rất khó khăn.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Các quy định trong dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với thực tế. Đến nay, dự thảo Nghị quyết không còn ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trên đây là nội dung Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Tài liệu kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của cơ quan, đơn vị; (3) Báo cáo số 48/BC-STP ngày 08/3/2022 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết; (4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Thông báo số 957-TB/TU ngày 22/3/2022 về ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy; (6) Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh; (7) Các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban, cơ quan của HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, TTTT;
- + Lưu: VT, KGVX.Cường.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục I

THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH CƠ SỞ ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ VỐN NSTW

(Kèm theo Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Áp dụng theo tiêu chí quy định tại Phụ lục I của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, do trung ương quy định mức hỗ trợ cho từng nội dung: hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ công trình nước sinh hoạt tập trung, hỗ trợ hộ chuyển đổi nghề, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán. Việc phân bổ vốn của tỉnh căn cứ số đối tượng thụ hưởng được các huyện rà soát, xác định, khả năng bố trí vốn từ ngân sách trung ương.
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Áp dụng theo tiêu chí quy định tại Phụ lục II của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, do trung ương quy định mức hỗ trợ cho từng nội dung: đối với dự án di dân tập trung và ổn định tại chỗ, đối với dự án xen ghép. Việc phân bổ vốn của tỉnh căn cứ số đối tượng thụ hưởng của các huyện, các dự án di dân tập trung và ổn định dân cư tại chỗ được cấp thẩm quyền phê duyệt và khả năng bố trí vốn từ ngân sách trung ương.
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Áp dụng theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, do trung ương đã quy định mức hỗ trợ cho từng nội dung: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình; Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ; Trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình. Việc phân bổ vốn của tỉnh căn cứ số đối tượng thụ hưởng, khả năng bố trí vốn từ ngân sách trung ương.

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
3.2	<p>Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.</p>	<p>* Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ vốn 100% vốn đầu tư phát triển cho huyện Sơn Động để thực hiện dự án trồng dược liệu quý, do dự án chỉ thực hiện trên địa bàn huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ.</p> <p>* Phân bổ vốn sự nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không quá 20 % tổng vốn để thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị liên kết triển khai trên địa bàn từ 02 huyện trở lên, xây dựng mô hình thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN. UBND tỉnh đề xuất không phân bổ vốn cho từng cơ quan theo số tuyệt đối, mà phân bổ dựa trên danh mục các dự án, nội dung hoạt động của tiểu dự án mang tính khả thi. - Phân bổ 100% vốn dự án trồng dược liệu quý cho huyện Sơn Động, do dự án chỉ thực hiện trên địa bàn huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ. - Phân bổ cho các huyện, xã: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí để thực hiện nguyên tắc không bình quân chia đều, ưu tiên địa bàn khó khăn hơn. Với cách tính này, xã ĐBKK có số vốn cao nhất khoảng 448 triệu đồng/xã/năm, xã có vốn thấp nhất khoảng 392 triệu đồng/xã/năm; thôn ĐBKK thuộc các xã khu vực I, II có số vốn cao nhất 71 triệu đồng, thôn có số vốn thấp nhất 66 triệu đồng.
4	<p>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</p>	

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
4.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	<p>* Phân bổ vốn đầu tư:</p> <p>+ Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng tiêu chí và phương pháp tính điểm theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, do trung ương đã quy định mức hỗ trợ: cứng hóa đường đến trung tâm xã 1600 triệu đồng/km; đầu tư xây dựng mới trạm y tế xã 4000 triệu đồng/trạm, cải tạo nâng cấp trạm y tế 800 triệu đồng/trạm; đầu tư xây dựng mới 4.400 triệu đồng/chợ, cải tạo nâng cấp 800 triệu đồng/chợ. Do vậy, việc phân bổ vốn của tỉnh căn cứ số đối tượng, mức vốn phân bổ từ ngân sách trung ương, phần còn thiếu theo dự toán được duyệt do ngân sách địa phương bố trí.</p> <p>+ Phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK, xã có thôn ĐBKK theo tiêu chí để thực hiện nguyên tắc không bình quân chia đều, ưu tiên địa bàn khó khăn hơn. Với cách tính này, đối với xã ĐBKK có số vốn cao nhất là 1.892 triệu đồng/xã/năm, xã có vốn thấp nhất khoảng 1.773 triệu đồng/xã/năm; đối với thôn ĐBKK thuộc các xã khu vực I, II: thôn có số vốn nhiều nhất là 273 triệu đồng/thôn/năm, thôn có số vốn ít nhất là 260 triệu đồng/thôn/năm. Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển của huyện thứ k (trong đó: 90% vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK, thôn ĐBKK thuộc các xã khu vực I và xã khu vực II; 10% để đầu tư các công trình hạ tầng liên xã, công trình có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển KTXH; ưu tiên đầu tư công trình giao thông, thủy lợi...).</p> <p>* Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ vốn hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây dựng mới và cải tạo: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Tiểu mục 1.2 Mục 1 Phụ lục IV của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg (số lượng các trạm y tế xây mới và cải tạo được trung ương phân bổ thực tế). Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí để thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn (xã ĐBKK, thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III) và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.</p>
4.2	Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc	Do Ủy ban Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện; UBND tỉnh không thực hiện
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
5.1	<p>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</p>	<p>* Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ không quá 30% tổng vốn cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm chủ đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú do cấp tỉnh quản lý (gồm: trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, phổ thông dân tộc nội trú huyện Sơn Động, phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Ngạn). Số vốn còn lại phân bổ cho các huyện, áp dụng tiêu chí và phương pháp tính điểm theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để đầu tư xây dựng các trường nội trú, phổ thông dân tộc bán trú & THCS do cấp huyện quản lý.</p> <p>* Phân bổ vốn sự nghiệp:</p> <p>+ Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện nội dung mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập (Nội dung 4 khoản b, tiểu mục 1.2, mục 1, Tiểu dự án 1, Phụ lục V của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg).</p> <p>+ Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục V của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để thực hiện nội dung xóa mù chữ (Nội dung 1,2 và 3 khoản b, tiểu mục 1.2, mục 1, Tiểu dự án 1, Phụ lục V của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg).</p>
5.2	<p>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.</p>	<p>Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc 100% vốn để thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2,3,4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và MN theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Mặt khác, do các huyện chưa có cơ sở giáo dục đủ điều kiện cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc, số xã vùng DTTS&MN không nhiều (huyện Lạng Giang chỉ có 03 xã), nên không đảm bảo số lượng để tổ chức các lớp bồi dưỡng.</p>
5.3	<p>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN.</p>	<p>Phân bổ 100% vốn cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để tham mưu UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị thụ hưởng thuộc Chương trình theo tiêu chí và phương pháp tính điểm theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg. Lý do: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì dự án xác định nhu cầu, đối tượng thụ hưởng để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các đơn vị thụ hưởng thuộc Chương trình, chủ đầu tư là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp (các trường trung cấp, cao đẳng nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề, giới thiệu việc làm, các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài...) để tổ chức thực hiện.</p>

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	Phân bổ vốn sự nghiệp cho Ban Dân tộc: 100% vốn để thực hiện tiểu dự án theo Thông tư hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc (giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 đều giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư).
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch.	<p>*Phân bổ vốn đầu tư:</p> <p>+ Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Không.</p> <p>+ Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng tiêu chí và phương pháp tính điểm theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg là phù hợp quy định tại khoản 3, Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 07/6/2020 của Quốc hội. Phân bổ cho UBND cấp huyện, cấp xã làm chủ đầu tư để thực hiện các nội dung sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển.</p> <p>* Phân bổ vốn sự nghiệp:</p> <p>+ Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các nội dung: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS; Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận; Xây dựng nội dung, xuất bản ấn phẩm sách, đĩa, phim tư liệu về văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS; tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS. (Nội dung 2, 4, 7, 8 điểm b mục 2 Phụ lục VI của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg; tỉnh Bắc Giang không thực hiện nội dung số 1).</p> <p>+ Phân bổ vốn cho các huyện thực hiện các nội dung: Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể; Tổ chức các lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ; hỗ trợ hoạt động đội văn nghệ truyền thống; tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS; hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng các xã vùng đồng bào DTTS; hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa các thôn vùng đồng bào DTTS; hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS. (Nội dung 3, 5, 6, 9, 10, 11, 12 điểm b mục 2 Phụ lục VI của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg).</p>

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.	<p>* Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% vốn cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh để đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo Trung tâm y tế huyện Sơn Động theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng; do dự án chỉ thực hiện trên địa bàn huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ; các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế không thuộc đối tượng của dự án.</p> <p>* Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho các huyện theo tiêu chí. Vì ngân sách tỉnh đã bố trí hằng năm cho ngành y tế triển khai thực hiện đào tạo, phát triển nhân lực y tế cho huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn; hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã; đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế các xã.</p>
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.	<p>* Phân bổ vốn sự nghiệp cho Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh: Không quá 30% tổng vốn để thực hiện các nội dung: tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ tỉnh, huyện, xã; cung cấp các trang thiết bị để làm việc, tuyên truyền cho thôn bản, xã, huyện vùng DTTS khó khăn; xây dựng chương trình truyền hình về đồng bào DTTS phát trên hệ thống phát thanh, truyền hình của tỉnh; tổ chức tập huấn và tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ nữ quy hoạch lãnh đạo cấp huyện, xã; tổ chức liên hoan cấp tỉnh và các hoạt động đánh giá, sơ kết, tổng kết tại tỉnh.</p> <p>* Phân bổ vốn cho các huyện phân còn lại theo tiêu chí để thực hiện các nội dung: xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em; xây dựng và hỗ trợ hoạt động cho các tổ, mô hình truyền thông cộng đồng, mạng lưới truyền thông, câu lạc bộ thủ lĩnh cho sự thay đổi; tổ chức các lớp tập huấn cho các tổ, nhóm, câu lạc bộ, mô hình, cán bộ xã, cán bộ thôn/bản; tổ chức đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK; hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, vận động, hoạt động tiên đối thoại, hỗ trợ phụ nữ vùng DTTS bị buôn bán trở về, có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức liên hoan cấp cơ sở và các hoạt động đánh giá, sơ kết, tổng kết tại huyện, xã...</p>
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế-xã hội nhóm DTTS còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tỉnh Bắc Giang không có đối tượng
9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.	<p>* Phân bổ vốn sự nghiệp cho Ban Dân tộc: Không quá 50% tổng vốn cho Ban Dân tộc để thực hiện 3/5 nội dung có tính tổng thể, toàn diện, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh và cần có sự phối hợp của Ban Dân tộc với các cơ quan Trung ương và các Sở, ngành tỉnh: (i) Công tác truyền thông: Biên soạn tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình; Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; (ii) Bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án; (iii) Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện tiểu dự án.</p> <p>* Phân bổ vốn cho các huyện thực hiện 2/5 nội dung: (i) Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; (ii) Duy trì và triển khai mô hình tại xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.</p>
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
10.1	<p>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia.</p>	<p>* Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: không quá 80% vốn cho Ban Dân tộc và Sở Tư pháp để thực hiện các nội dung: (i) Thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ (chủ yếu là đặt Báo Dân tộc và Phát triển, Báo Bắc Giang, thăm hỏi, quà tết); biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN cấp tỉnh; (ii) phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS, xây dựng chuyên trang, chuyên mục mang tính chuyên sâu về vùng DTTS&MN của tỉnh; (iii) tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh; xây dựng các chương trình, tổ chức chuyên đề, tập huấn điểm về trợ giúp pháp lý. UBND tỉnh đề xuất không phân bổ vốn cho từng cơ quan theo số tuyệt đối, mà phân bổ dựa trên các nội dung, hoạt động của tiểu dự án, căn cứ khả năng cân đối, bố trí vốn từ ngân sách trung ương.</p> <p>* Phân bổ cho các huyện phần còn lại để thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến thuộc nhiệm vụ của cấp huyện.</p>
10.2	<p>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN.</p>	<p>* Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: 100% để thực hiện các nội dung: (i) Xây dựng phòng họp trực tuyến; Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030 (Ban Dân tộc thực hiện); (ii) Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN (Liên Minh HTX thực hiện); (iii) Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển KTXH và đảm bảo an ninh trật tự (Sở Thông tin Truyền thông thực hiện). UBND tỉnh đề xuất phân bổ vốn cho các sở, ngành tỉnh 100% vốn để triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung của Chương trình trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đề nghị không phân bổ cho các cơ quan theo số tuyệt đối, điều hành linh hoạt các nội dung, hoạt động theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương.</p> <p>* Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ vốn cho sở, ngành: 100% vốn để triển khai thực hiện các nội dung tiểu dự án; không phân bổ theo số tuyệt đối, điều hành linh hoạt các nội dung, hoạt động theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương, hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.</p>

TT	Dự án	Cơ sở phân bổ
10.3	<p>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</p>	<p>* Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: Không quá 55% tổng vốn. * Phân bổ cho các huyện: 45% tổng vốn: Cơ sở đề xuất: Do việc tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn rộng (73 xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi) với nhiều nội dung, chính sách, số vốn trung ương phân bổ cho tỉnh không nhiều (khoảng 1000 triệu đồng/năm). UBND tỉnh đề xuất chỉ phân bổ cho các sở, ngành trực tiếp quản lý các dự án, tiểu dự án để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm nội dung “Khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN thuộc tiểu dự án 2, dự án 3 tại huyện Sơn Động” (Công văn số 14/UBND-CTMTQG ngày 06/01/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc); tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình...Phân bổ vốn cho các huyện để thực hiện các nội dung, hoạt động của tiểu dự án, tổ chức thực hiện huyện điểm nội dung khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.</p>

Phụ lục II

THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH CƠ SỞ ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ VỐN NS TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần	Cơ sở đề xuất tiêu chí, phương án phân bổ
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt Hỗ trợ hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã ĐBK, thôn ĐBK với mức 04 triệu đồng/hộ thiếu đất ở; 04 triệu đồng/hộ làm nhà ở.	Theo Thông tư của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025.
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Tổng mức đầu tư các dự án bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương. Dự kiến tổng vốn trung ương phân bổ cho các dự án giai đoạn 2021-2025 là 49.146 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng khoảng 5.372 triệu đồng.
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị Nội dung số 02 (Tiểu dự án 1) Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	Tổng mức đầu tư các dự án bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn vốn khác. Dự kiến tổng vốn trung ương phân bổ cho các dự án giai đoạn 2021-2025 là 56.414 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng không quá 30% tổng vốn trung ương phân bổ.
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	
4.1	Phân bổ vốn cho các huyện để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường liên xã: Không quá 1.600 triệu đồng/km đối với huyện Sơn Động và Yên Thế; không quá 1.400 triệu đồng/km đối với huyện Lục Ngạn; không quá 1.200 triệu đồng/km đối với huyện Lục Nam	Đảm bảo quy mô mặt đường các tuyến đường đến trung tâm xã đặc biệt khó khăn tối thiểu 6m theo Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

TT	Tên dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần	Cơ sở đề xuất tiêu chí, phương án phân bổ
4.2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Suối Xả, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động: hỗ trợ không quá 70% tổng mức đầu tư dự án được duyệt	Đảm bảo liên kết, tiêu thụ nông sản, phát triển KTXH 4 xã khó khăn nhất của huyện Sơn Động, theo Thông báo số 341/TB-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh kết luận tại buổi kiểm tra công tác khôi phục các hoạt động KTXH trên địa bàn huyện Sơn Động
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	
5.1	Cơ sở đề xuất phân bổ vốn đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú do cấp tỉnh quản lý	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc nội trú để đảm bảo các điều kiện phục vụ ăn, ở và học tập của học sinh nội trú
5.2	Cơ sở đề xuất phân bổ vốn đầu tư các trường nội trú, bán trú do cấp huyện quản lý	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, đảm bảo các điều kiện phục vụ ăn, ở và học tập của học sinh nội trú, học sinh bán trú, để nâng cao chất lượng dạy và học, phù hợp với khả năng đối ứng ngân sách của mỗi huyện
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình Cơ sở đề xuất: phân bổ vốn thực hiện chế độ chính sách đối với người có uy tín; Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Theo Thông tư của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và điểm a khoản 3 Điều 7 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS (vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung do ngân sách địa phương đảm bảo gồm: Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức, học tập trao đổi kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng người có thành tích xuất sắc, tổ chức các đoàn đến thăm cơ quan trung ương và địa phương...).